



DANH SÁCH VIÊN CHỨC NHÀ GIÁO TRƯỞNG THCS MỸ HÀO SỐ 2
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 của UBND phường Mỹ Hào)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh (đánh dấu ' trước ngày)	Ngày, tháng, năm được tuyển dụng CC-VC (đánh dấu ' trước ngày)	Ngày, tháng, năm được bổ nhiệm vào ngạch CC-VC (đánh dấu ' trước ngày)	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Hệ số lương hiện hưởng	Hệ số phụ cấp chức vụ	Chức vụ, chức danh công việc vị trí việc làm	Trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ (Ghi theo bằng tốt nghiệp về trình độ và ngành, chuyên ngành đào tạo)				Trình độ đào tạo sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ, Chuyên khoa)		Thời điểm ký hợp đồng lao động (chỉ ghi đối với loại lao động hợp đồng làm chuyên môn)	Ghi chú
										Trình độ đào tạo	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Loại hình đào tạo	Nơi đào tạo (Trường đào tạo)	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Trương Thị Như	01/10/1982	01/09/2006	01/09/2007	GVTHCS Hạng III	V.07.04.32	3,99	0,45	Hiệu trưởng	Cử nhân	Sư phạm Hóa học	Vừa học vừa làm	Đại học Sư phạm Hà Nội				
2	Trần Quý Cường	16/02/1970	14/9/1989	01/7/2015	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.11	Bậc 9	0,45	Phó Hiệu trưởng	Đại học	QLGD	Tại chức	Trường ĐHSP HN				
3	Trần Quý Cường	16/02/1970	14/9/1989	01/7/2015	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.11	Bậc 9	0,45	Phó Hiệu trưởng	Đại học	QLGD	Tại chức	Trường ĐHSP HN				
4	Nguyễn Thị Huyền	13/12/1977	01/9/1998	15/6/2016	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.31	Bậc 6	0,35	Phó Hiệu trưởng	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	Tại chức	Sư phạm Toán học				
5	Đỗ Văn Khoa	20/10/1979	01/03/2003	01/10/2003	GVTHCS Hạng II	V.07.04.31	5,02	0,35	Giáo viên	Cử nhân	Hoá học	Vừa học vừa làm	Đại học Sư phạm Hà Nội				
6	Vũ Thị Hồng Hạnh	27/12/1995	01/03/2024	27/09/2024	GVTHCS Hạng III	V.07.04.32	2,34		Giáo viên	Cử nhân	Văn học	Chính quy	Đại học khoa học - Đại học Thái Nguyên				
7	Đinh Thị Ngần	20/10/1991	01/11/2015	27/02/2026	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,33		Giáo viên	Cử nhân sư phạm	Sư phạm kỹ thuật Công nghiệp	Chính quy	Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên				
8	Vũ Thị Thanh Thuý	17/01/1977	01/11/2000	01/05/2001	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	4,65		Giáo viên	Cử nhân	Giáo dục thể chất	Vừa học vừa làm	Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội				
9	Nguyễn Thị Phượng	20/08/1985	01/11/2015	01/11/2016	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,33		Giáo viên	Cử nhân	Sư phạm Sinh học	Vừa học vừa làm	Đại học sư phạm Thái Nguyên				
10	Nguyễn Thị Phượng	22/06/1989	01/11/2015	01/11/2016	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,33		Giáo viên	Cử nhân	Sư phạm Toán	Vừa học vừa làm	Đại học sư phạm Hà Nội 2				
11	Lê Việt Hà	27/05/1995	11/03/2022	11/03/2023	GV THCS hạng III	V.07.04.32	2,67		Giáo viên	Cử nhân	Sư phạm toán	Chính quy	Đại học Sư phạm Hà Nội 2				
12	Lương Nguyễn Quỳnh Anh	03/05/1995	01/03/2024	01/03/2025	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	2,34		Giáo viên	Cử nhân	Giáo dục chính trị	Chính quy	Đại học Sư phạm Hà Nội				
13	Đặng Xuân Hưng	20/11/1975	01/11/2000	01/05/2001	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	4,65		Giáo viên	Cử nhân sư phạm	SP Mỹ Thuật	Vừa học vừa làm	ĐHSP Thái Nguyên				
14	Lê Thị Hà Phương	07/06/1985	08/05/2008	01/05/2009	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,66		Giáo viên	Cử nhân	SP Toán	Vừa học vừa làm	ĐHSP Hà Nội II				

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh (đánh dấu ' trước ngày)	Ngày, tháng, năm được tuyển dụng CC-VC (đánh dấu ' trước ngày)	Ngày, tháng, năm được bổ nhiệm vào ngạch CCVC (đánh dấu ' trước ngày)	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Hệ số lương hiện hưởng	Hệ số phụ cấp chức vụ	Chức vụ, chức danh công việc vị trí việc làm	Trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ (Ghi theo bảng tốt nghiệp về trình độ và ngành, chuyên ngành đào tạo)				Trình độ đào tạo sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ, Chuyên khoa)		Thời điểm ký hợp đồng lao động (chỉ ghi đối với loại lao động hợp đồng làm chuyên môn)	Ghi chú
										Trình độ đào tạo	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Loại hình đào tạo	Nơi đào tạo (Trường đào tạo)	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
15	Khúc Thị Hà	05/03/1991	01/10/2017	01/10/2018	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,00		Giáo viên	Cử nhân	SP TA	Liên thông	ĐH Hồng Đức				
16	Nguyễn Thị Thuyết	27/03/1987	01/07/2014	01/07/2015	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,33		Giáo viên	Cử nhân	SP Ngữ Văn	Vừa học vừa làm	Đại học Sư phạm Hà Nội 2				
17	Trần Thị Bé Phượng	12/06/1984	01/05/2011	01/05/2012	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,66		Giáo viên	Kỹ sư	Công nghệ thông tin	Chính quy	Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên				
18	Tô Thị Hồng Loan	29/11/1983	08/05/2008	01/05/2009	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,66		Giáo viên	Cử nhân	Sư phạm Ngữ Văn	Vừa học vừa làm	Đại học Sư phạm Hà Nội 2				
19	Đỗ Thị Yên	23/09/1985	08/05/2008	01/05/2009	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,99		Giáo viên	Cử nhân	Sư phạm Toán	Vừa học vừa làm	Đại học Sư phạm Hà Nội 2				
20	Đỗ Thị Hạnh	01/07/1990	01/03/2024	01/03/2025	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	2,34		Giáo viên	Cử nhân	Sư phạm Toán	Vừa học vừa làm	Đại học Sư phạm Hà Nội 2				
21	Phạm Hùng Cường	13/07/1984	08/05/2008	01/05/2009	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,99		Giáo viên	Cử nhân	Sư phạm Nhạc	Vừa học vừa làm	Đại học sư phạm Hà Nội 1				
22	Ngô Thị Nguyên	10/11/1987	01/12/2025	01/12/2026	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	2,34		Giáo viên	Cử nhân	Văn học	Chính quy	Đại học khoa học - Đại học Thái Nguyên				
23	Đỗ Hải Hà	30/12/1985	08/05/2008	01/05/2009	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,66		Giáo viên	Cử nhân	Sư phạm Ngữ Văn	Vừa học vừa làm	Đại học sư phạm Hà Nội 2				
24	Phạm Thị Hạnh	06/09/1988	01/09/2013	01/09/2014	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,66		Giáo viên	Cử nhân	Sư phạm Ngữ Văn	Vừa học vừa làm	Đại học sư phạm Hà Nội 2				
25	Nguyễn Thị Thúy	10/11/1981	01/09/2006	01/09/2007	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,99		Giáo viên	Cử nhân	Sư phạm Ngữ Văn	Vừa học vừa làm	Đại học sư phạm Hà Nội 2				
26	Hoàng Thị Thảo Lan	14/08/2002	01/12/2025	01/03/2026	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	2,34		Giáo viên	Cử nhân	Sư phạm tiếng Anh	Chính quy	Đại học sư phạm Hà Nội 2				
27	Phạm Thị Hậu	01/05/1975	01/12/1998	15/09/1999	GV THCS Hạng II	V.07.04.31	5,02		Giáo viên	Cử nhân	Sư phạm tiếng Anh	Tại chức	Đại học Ngoại Ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội				
28	Lê Thị Hồng Minh	05/05/1982	01/09/2006	01/09/2007	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,99	0,15	Phó TT tổ CM	Cử nhân	Sư phạm Toán	Vừa học vừa làm	Đại học sư phạm Hà Nội 2				
29	Vũ Thị Luyến	10/02/1981	01/01/2003	01/10/2003	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	4,32		Giáo viên	Cử nhân	Sư phạm Hoá	Vừa học vừa làm	Đại học sư phạm Hà Nội 2				
30	Vũ Thị Hồng	22/08/1987	15/12/2012	15/12/2013	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,66	0,2	Tổ trưởng tổ KHTN	Cử nhân sư phạm	Sư phạm Sinh học	Vừa học vừa làm	Đại học sư phạm Hà Nội				
31	Lê Thị Hoa	05/10/1983	01/09/2006	01/09/2007	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,99		GV	Cử nhân	Sư phạm toán	Vừa học vừa làm	Đại học sư phạm Hà Nội 2				
32	Khúc Ngọc Huynh	02/05/1977	08/05/2008	01/05/2009	GV THCS Hạng II	V.07.04.31	4,00		Giáo viên	Cử nhân	Sư phạm tiếng Anh	Tại chức	Đại học Ngoại Ngữ Hà Nội				

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh (đánh dấu ' trước ngày)	Ngày, tháng, năm được tuyển dụng CC-VC (đánh dấu ' trước ngày)	Ngày, tháng, năm được bổ nhiệm vào ngạch CCVC (đánh dấu ' trước ngày)	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Hệ số lương hiện hưởng	Hệ số phụ cấp chức vụ	Chức vụ, chức danh công việc vị trí việc làm	Trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ (Ghi theo bảng tốt nghiệp về trình độ và ngành, chuyên ngành đào tạo)				Trình độ đào tạo sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ, Chuyên khoa)		Thời điểm ký hợp đồng lao động (chỉ ghi đối với loại lao động hợp đồng làm chuyên môn)	Ghi chú
										Trình độ đào tạo	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Loại hình đào tạo	Nơi đào tạo (Trường đào tạo)	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
33	Nguyễn Thị Thơm	01/06/1976	01/09/1998	01/03/1999	GV THCS hạng II	V.07.04.31	5,36		Giáo viên	Cử nhân	SP Văn, Lịch sử	Chính quy, Tại chức	Cao đẳng SP Hải Dương, ĐHSP Hà Nội				
34	Tăng Thị Thu	24/02/1984	08/05/2008	01/05/2009	GV THCS hạng II	V.07.04.31	4.34	0,2	Tổ trưởng tổ KHXH	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	Chính quy	Đại học Sư phạm Hà Nội 2				
35	Nguyễn Thị Uyên	01/07/1982	01/09/2006	01/09/2007	GV THCS hạng III	V.07.04.32	3,99	0,15	Phó TT tổ CM	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	Vừa học vừa làm	Đại học Sư phạm Hà Nội 2				
36	Trần Thị Minh Chúc	16/09/2003	01/12/2025	01/12/2026	GV THCS hạng III	V.07.04.32	2.34		Giáo viên	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Chính quy	Đại học Sư phạm Hà Nội 2				
37	Nguyễn Thị Thoa	08/03/1981	1/9/2006	1/12/2023	GV THCS Hạng II	V,07,04,31	4,34		GV giảng dạy môn Ngữ Văn	Đại học	Văn học	Chính quy	Trường ĐHSP QuyNhơn				
38	Đàm Thị Thu Hiền	10/06/1971	1/9/1995	1/12/2023	GVTHCS Hạng III	V,07,04,32	4,98		GV giảng dạy môn Ngữ Văn	Đại học	Văn học	VHVL	Trường ĐHSP Hà Nội 2				
39	Vũ Thị Tuyền	01/08/1984	14/08/2006	1/12/2023	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,99		GV giảng dạy môn Ngữ Văn	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	VHVL	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2				
40	Tuấn Thị Hiếu	19/10/1982	15/7/2006	01/12/2023	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,99		GV giảng dạy môn Ngữ Văn	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	VHVL	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2				
41	Nguyễn Thị Thuan	23/03/1991	01/11/2015	01/4/2017	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,33		GV giảng dạy môn Ngữ Văn	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	VHVL	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2				
42	Đình Thị Hải Vân	30/08/1977	01/03/1999	01/12/2023	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	4,65		GV giảng dạy môn Toán	Đại học	Sư phạm Toán	VHVL	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2				
43	Lưu Thị Lý	01/14/1987	1/9/2011	1/12/2023	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,99		GV giảng dạy môn Toán	Đại học	Sư phạm Toán	VHVL	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2				
44	Vũ Thị Hải	03/10/1989	3/9/2013	1/9/2014	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,33		GV giảng dạy môn Toán	Đại học	Sư phạm Toán	VHVL	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2				
45	Phạm Thị Mỹ Hạnh	20/10/1987	13/11/2015	01/8/2025	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,33		GV giảng dạy môn Toán	Đại học	Toán học	Chính quy	Trường ĐH Hải Phòng				
46	Lương Hồ Mỹ Bình	15/04/1999	11/03/2022	11/3/2023	Hạng III	V.07.04.32	2,67		GV giảng dạy môn Toán	Đại học	Sư phạm Toán	Chính quy	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội				
47	Nguyễn Thị Hạnh	20/10/1988	01/03/2024	01/07/2024	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	2,34		GV giảng dạy môn Toán	Đại học	Toán học	Chính quy	ĐH Khoa học - ĐH Thái Nguyên				
48	Doãn Thị Hường	11/08/1997	01/12/2025		GV THCS hang III	V.07.04.32	2,34		GV giảng dạy môn Toán	Đại học	Sư phạm toán	Chính quy	Trường Đại học Tây Bắc				
49	Trịnh Thị Ngọc Ánh	06/11/1997	01/12/2025	24/03/2026	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	2,34		GV giảng dạy môn Toán	Đại học	Sư phạm Toán	Chính quy	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội				
50	Nguyễn Thị Hạnh	28/12/1977	01/09/1998	15/6/2016	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.31	5,32		GV giảng dạy môn tiếng anh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tại chức	Trường ĐHQG Hà Nội				

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh (đánh dấu ' trước ngày)	Ngày, tháng, năm được tuyển dụng CC-VC (đánh dấu ' trước ngày)	Ngày, tháng, năm được bổ nhiệm vào ngạch CCVC (đánh dấu ' trước ngày)	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Hệ số lương hiện hưởng	Hệ số phụ cấp chức vụ	Chức vụ, chức danh công việc vị trí việc làm	Trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ (Ghi theo bảng tốt nghiệp về trình độ và ngành, chuyên ngành đào tạo)				Trình độ đào tạo sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ, Chuyên khoa)		Thời điểm ký hợp đồng lao động (chỉ ghi đối với loại lao động hợp đồng làm chuyên môn)	Ghi chú
										Trình độ đào tạo	Ngành, chuyên ngành	Loại hình đào tạo	Nơi đào tạo (Trường đào tạo)	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
51	Đỗ Thị Quỳnh Mai	18/09/1993	09/09/2015	27/02/2026	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3,33		GV giảng dạy môn tiếng anh	Đại học	Ngôn Ngữ Anh	Chính quy	Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên				
52	Nguyễn Hải Yến	10/05/2002	01/12/2025		GV THCS Hạng III	V.07.04.32	2,34		GV giảng dạy môn tiếng anh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Chính quy	Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên				
53	Phạm Thị Nam Hà	28/10/1980	01/11/2003	01/12/2023	GV THCS Hạng II	V.07.04.31	4,68		GV giảng dạy môn Sinh	Đại học	Sư phạm Sinh	Chính quy	Trường ĐHSP Hà Nội II				
54	Nguyễn Thị Hương	28/11/1980	01/10/2003	01/12/2023	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	4,32		GV giảng dạy môn Hóa	Đại học	Sư phạm Hóa	VL-VH	Trường ĐHSP Hà Nội II				
55	Nguyễn Thị Thuần	01/05/1984	08/05/2008	01/12/2023	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3.99		GV giảng dạy môn Lý	Đại Học	Toán học	Chính quy	ĐH Khoa học - ĐH Thái Nguyên				
56	Nguyễn Thị Vân Anh	18/08/1996	02/02/2019	27/02/2026	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	2,67		GV giảng dạy môn Lý	Đại học	Sư phạm Toán học	VL-VH	ĐHSP Thái Nguyên				
57	Đỗ Quỳnh Hương	29/01/1999	01/12/2025		GV THCS Hạng III	V.07.04.32	2,67		GV giảng dạy môn Hóa	Đại học	Sư phạm Hóa học	Chính quy	ĐH Giáo Dục - ĐH QGHN				
58	Đinh Thị Tâm	11/09/1992	01/12/2025		GV THCS Hạng III	V.07.04.32	2,34		GV giảng dạy môn Sinh	Đại học	Sư phạm Sinh học	Tại chức	Trường Đại học Hoa Lư				
59	Nguyễn Thị Hạnh	20/06/1982	19/05/2004		GVTHCS Hạng II	V.07.04.31	4,34		GV giảng dạy môn Lý	Đại học	Sư Phạm Toán	Tại chức	ĐHSP Tây Bắc				
60	Vũ Thị Hà	21/09/1988	01/05/2011	01/05/2012	Hạng III	V.07.04.32	3,99		GV giảng dạy môn Âm nhạc	Đại học	SP Âm nhạc	Liên thông	Trường ĐH SP Trung ương				
61	Lê Thị Thanh Bình	17/08/1984	01/05/2010	15/06/2016	Hạng III	V.07.04.12	3.65		GV giảng dạy môn MT	Cao đẳng	Sư phạm Mỹ Thuật	Chính Quy	Cao đẳng sư phạm Hưng Yên				
62	Nguyễn Thị Thúy Tình	09/11/1987	15/9/2009	01/12/2023	Hạng III	V.07 04 32	3,66		GV giảng dạy môn MT	Đại học	SP Mỹ Thuật	VLVH	ĐHSP Hà Nội				
63	Lâm Thị Tuyết Mai	03/01/1979	08/05/2008	01/12/2023	GVTHCS Hạng II	V.07.04.31	4.00		GV giảng dạy môn Tin	Đại học	Tin học quản lý	Tại chức	Viện Đại học Mở Hà Nội				
64	Nguyễn Thị Hoa Hồng	09/04/1981	01/10/2080	01/03/2026	GVTHCS Hạng II	V.07.04.31	4.00		GV giảng dạy môn Tin	Đại học	Tin học quản lý	Tại chức	Viện Đại học Mở Hà Nội				
65	Đoàn Thị Thu Phương	22/03/1978	11/1/0200	15/6/2016	GVTHCS Hạng II	V.07.04.31	5,02		GV giảng dạy môn Địa	Đại học	SP Ngữ văn	Tại chức	Trường ĐHSP Hà Nội I				
66	Vũ Thị Nghĩa	27/08/1977	01/11/2000	01/12/2023	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	4,65		GV giảng dạy môn Địa	Đại học	SP Ngữ văn	Vừa học vừa làm	Trường ĐHSP Hà Nội II				
67	Phạm Thị Thủy	19/01/1989	01/11/2015	27/02/2026	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3.33		GV giảng dạy môn Sử	Đại học	SP Ngữ văn	VHVL	Trường ĐHSP Hà Nội 2				
68	Nguyễn Thương Trà	13/02/1980	01/01/2003	01/12/2023	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	4,32		GV giảng dạy môn Sử	Đại học	SP Ngữ văn	VLVH	Trường ĐHSP Hà Nội 2				

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh (đánh dấu ' trước ngày)	Ngày, tháng, năm được tuyển dụng CC-VC (đánh dấu ' trước ngày)	Ngày, tháng, năm được bổ nhiệm vào ngạch CCVC (đánh dấu ' trước ngày)	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Hệ số lương hiện hưởng	Hệ số phụ cấp chức vụ	Chức vụ, chức danh công việc vị trí việc làm	Trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ (Ghi theo bảng tốt nghiệp về trình độ và ngành, chuyên ngành đào tạo)				Trình độ đào tạo sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ, Chuyên khoa)		Thời điểm ký hợp đồng lao động (chỉ ghi đối với loại lao động hợp đồng làm chuyên môn)	Ghi chú
										Trình độ đào tạo	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Loại hình đào tạo	Nơi đào tạo (Trường đào tạo)	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
69	Chữ Thị Tươi	07/02/1984	08/05/2008	01/12/2023	GV THCS Hạng III	V.07.04.32	3.66		GV giảng dạy môn Địa	Đại học	SP Ngữ văn	VHVL	Trường ĐHSP Hà Nội 2				
70	Nguyễn Thị Hà	16/12/1988	15/9/2009	01/12/2003	GV THCS hạng III	V.07.04.32	3,66		GV giảng dạy môn GDCD	Đại học	SP Ngữ văn	VLVH	ĐHSP Hà Nội 2				
71	Đào Mạnh Linh	16/12/1985	01/05/2009	01/12/2023	GVTHCS Hạng II	V.07.04.31	4		GV giảng dạy môn GDTC	Đại Học	GDTC	Chính Quy	Trường ĐHSPTDTT Hà Nội				
72	Nguyễn Thị Hiền	10/04/1994	05/09/2019	01/09/2025	Hạng III	V.07.04.32	3		GV giảng dạy môn GDTC	Đại học	Quản lý TDTT	Chính quy	Trường ĐH TDTT Bắc Ninh				
73	Đặng Thanh Thùy	13/10/1985	15/09/2009	01/12/2023	Hạng III	V.07 04 32	3.66		GV giảng dạy môn Công nghệ	Đại học	Sư phạm kỹ thuật công nghiệp	VHVL	TrườngĐHSP kỹ thuật Hưng Yên				
74	Nguyễn Thị Thu Hằng	07/01/1974	05/09/1995	05/09/1997	GVTHCS hạng II	V.04.07.31	5,36	0,45	Giáo viên	ĐH	Toán	TC	ĐHSP Hà Nội				
75	Nguyễn Đức Thuận	27/03/1968	03/11/1989	03/11/1991	GVTHCS hạng II	V.07.04.31	5,36		Giáo viên	ĐH	Toán	TC	ĐHSP1 HN				
76	Nguyễn Thị Nga	20/03/1972	15/08/1995	01/09/1999	GVTHCS hạng III	V.07.04.32	4.65		Giáo viên	ĐH	Ngữ văn	VHVL	ĐHSPP 2 HN				
77	Nguyễn Thị Thu	19/09/1977	01/11/2000	01/05/2001	GVTHCS hạng III	V.07.04.32	4,65	0,15	Giáo viên	ĐH	Toán	VHVL	ĐHSP HN 2				
78	Nguyễn Thị Lệ Hằng	03/09/1976	01/11/2000	01/05/2001	GVTHCS hạng III	V.07.04.32	4,65		Giáo viên	ĐH	Toán	VHVL	ĐHSP HN 2				
79	Nguyễn Thị Quyên	11/12/1977	01/11/2000	01/05/2001	GVTHCS hạng II	V.07.04..31	5,02		Giáo viên	ĐH	TIẾNG ANH	TC	DĐHSP NN				
80	Lưu Thị Quy	20/02/1977	01/11/2000	01/05/2001	GVTHCS hạng II	V.07.04.31	5,02		Giáo viên	ĐH	Sử	TC	ĐHSP 1 HN				
81	Nguyễn Vũ Hưng	02/15/1978	01/09/2006	01/09/2007	GVTHCS hạng II	V.07.04.31	4.0		Giáo viên	ĐH	giáo dục chính t	Chính quy	ĐHSP 1 HN				
82	Đỗ Thị Vi	19/09/1982	01/09/2006	01/09/2007	GVTHCS hạng III	V.07.04.32	3,99	0,2	Giáo viên - Tổ trưởng tổ K	ĐH	Sinh học	VHVL	ĐHSP HN 2				
83	Ngô Thị Minh Loan	06/01/1984	01/09/2006	01/09/2007	GVTHCS hạng III	V07.04.32	3,99		Giáo viên	ĐH	Ngữ văn	VLVH	ĐHSP HN 2				
84	Chu Thị Thúy	23/10/1983	01/9/2006	01/9/2007	GVTHCS hạng III	V07.04.32	3,99		Giáo viên	ĐH	Hoá học	VHVL	ĐHSP HN2				
85	Nguyễn Thị Hà	20/01/1983	01/02/2007	01/02/2008	GVTHCS hạng II	V.07.04.31	4,34		Giáo viên	ĐH	Hóa học	TC	ĐHSP 1 HN				
86	Trịnh Văn Thịnh	28/07/1980	01/05/2008	01/05/2009	GVTHCS hạng II	V.07.04.32	4.0		Giáo viên	ĐH	GDTC	TC	DHTDTT Hà Nội				

[illegible]